

Số:1406 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 06 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất
năm 2023 huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2023; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị của UBND huyện Bình Gia tại Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 28/8/2023 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 456/TTr-STNMT ngày 29/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Tổng số công trình, dự án: 18 công trình, dự án.

2. Tổng diện tích đất sử dụng: 2.361.600,0 m² (236,16 ha).

3. Danh mục chi tiết công trình, dự án: tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Bình Gia có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố, công khai Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo quy định.

2. Thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai theo Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bình Gia, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Bình Gia và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT (HVTr).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Trọng Quỳnh

KÝ HIỆU, MÃ LOẠI ĐẤT

STT	Loại đất	Mã
1	Đất nông nghiệp	NNP
1.1	Đất trồng lúa	LUA
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH
2	Đất phi nông nghiệp	PNN
2.1	Đất quốc phòng	CQP
2.2	Đất an ninh	CAN
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK
2.4	Đất khu chế xuất	SKT
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH
2.22	Đất giao thông	DGT
2.23	Đất thủy lợi	DTL
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK
3	Đất chưa sử dụng	CSD

* Ghi chú: Ký hiệu, mã loại đất được quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Phụ lục

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN BÌNH GIA

(Kèm theo Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: m²

Số TT	Tên dự án	Địa điểm dự án (xã, thị trấn)	Quyết định phê duyệt, VB chấp thuận, GCN đầu tư, Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư...	Quy mô sử dụng đất của dự án	Dự kiến thu hồi từ các loại đất	Ghi chú
I	Đất an ninh					
1	Xây mới trụ sở công an xã Hồng Phong	Xã Hồng Phong	Văn bản số 1523/CAT-PH10 ngày 29/4/2022 của Công an tỉnh Lạng Sơn về việc đề nghị phân bổ chỉ tiêu đất an ninh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất 2021-2025 cấp tỉnh; Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.	2.000,0	RSX (2.000)	Thực hiện năm 2023
2	Xây mới trụ sở công an xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa		2.000,0	HNK(900); RSX(1.100);	Thực hiện năm 2023
3	Xây mới trụ sở công an xã Hòa Bình	Xã Hòa Bình		2.100,0	RSX(1.600); SKC(200); ONT(100); TSC(200);	Thực hiện năm 2023
4	Xây mới trụ sở công an xã Mông Ân	Xã Mông Ân		1.900,0	HNK(1.900);	Thực hiện năm 2023
5	Xây mới trụ sở công an xã Quang Trung	Xã Quang Trung		2.000,0	CLN(2.000);	Thực hiện năm 2023
6	Xây mới trụ sở công an xã Yên Lỗ	Xã Yên Lỗ		2.000,0	RSX(2.000);	Thực hiện năm 2023
II	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					
7	Khu chế biến nông sản (HTX Dịch vụ & Nông nghiệp Quế Thạch - Tân Hòa)	Xã Tân Hòa	Hợp tác xã đăng ký nhu cầu	5.000,0	HNK(5.000)	Danh mục công trình không thu hồi đất
8	Khu chung cất dầu quế (HTX Dịch vụ & Nông nghiệp Quế Thạch - Tân Hòa)	Xã Tân Hòa	Hợp tác xã đăng ký nhu cầu	17.000,0	RSX(17.000)	Danh mục công trình không thu hồi đất
III	Đất Giao thông					

9	Đường nội thị (19/4), thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia (Đường nội thị 19/4 kéo dài)	Thị trấn Bình Gia	các Quyết định của UBND tỉnh Lạng Sơn: số 1579/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nội thị (19/4), thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia; Các Quyết định: số 173/QĐ-UBND ngày 24/01/2019; số 412/QĐ-UBND ngày 12/3/2020; số 428/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nội thị (19/4), thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia;	8.000,0	LUC(2.000), HNK(1.100); CLN(4.100); NTS(200); DTL(100); TSC(500)	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh
IV Đất xây dựng cơ sở Y tế						
10	Trạm y tế xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa	Quyết định số 3104/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND huyện Bình Gia	1.500,0	ONT(1.500);	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh
V Đất xây dựng cơ sở Văn hóa						
11	Nhà văn hóa xã Hồng Phong	Xã Hồng Phong	Thực hiện tiêu chí về đích Nông thôn mới năm 2023	3.000,0	LUK(1.000); HNK(1.100); DGT(200); ONT(700);	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh
VI Đất xây dựng trụ sở cơ quan						
12	Trụ sở UBND xã Hồng Phong	Xã Hồng Phong	Thực hiện tiêu chí về đích Nông thôn mới năm 2023	3.000,0	LUK(1.900); HNK(1.100)	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh
VII Đất bãi thải, xử lý chất thải						
13	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và Khu tái định cư, dân cư thị trấn Bình Gia (bổ sung diện tích Bãi đổ thải)	Xã Hồng Phong	UBND huyện Bình Gia đề xuất	5.000,0	LUK(300); RSX(4.700);	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh

14	Hạng mục Đường Khuổi Con-Nà Nưa, xã Minh Khai -Bản Hoay, xã Hồng Thái, huyện Bình Gia thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp hạ tầng phục vụ chuỗi giá trị nông nghiệp thuộc Hợp phần 3 (Cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp) dự án BIIG1-TDA tỉnh Lạng Sơn (bổ sung diện tích bãi đỗ thải)	xã Hồng Thái, xã Minh Khai	UBND huyện Bình Gia đề xuất	17.000,0	RSX(17.000);	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh
VIII	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao					
15	Sân thể thao xã Hồng Phong	Xã Hồng Phong	Thực hiện tiêu chí về đích Nông thôn mới năm 2023	5.000,0	LUK(1.200); HNK(2.700); DGT(400); ONT(700);	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/4/2023 của HĐND tỉnh
IX	Đất ở tại nông thôn					
16	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở nông thôn	Xã Yên Lỗ, xã Hưng Đạo, xã Tân Văn	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất	2.000,0	LUC(600); HNK(400); CLN(1.000);	Thực hiện năm 2023
X	Đất ở tại đô thị					
17	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đô thị	Thị trấn Bình Gia	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất	2.300,0	LUC(200); LUK(100); HNK(200); CLN(1.800);	Thực hiện năm 2023
XI	Đất rừng sản xuất					
18	Dự án đầu tư trồng rừng tại huyện Bình Gia và huyện Tràng Định	Xã Hoa Thám	Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 09/7/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư trồng rừng tại huyện Bình Gia và huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	2.280.800,0	RSX(2.280.800);	Danh mục công trình không thu hồi đất
	Tổng số: 18 dự án			2.361.600,0		